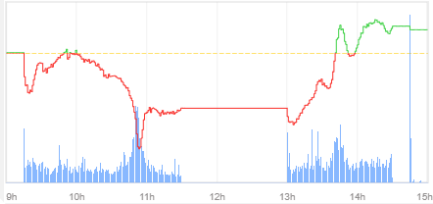


# ĐẢO CHIỀU CUỐI PHIÊN

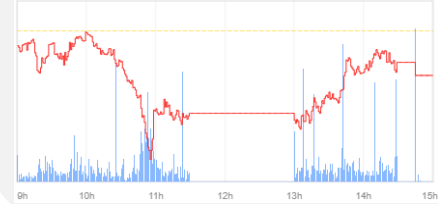
## VN-Index

ID	2,52	1.311,91	0,19%
YTD	45,13		3,6%
GTGD (tỷ đồng)		23.192	
NĐTNN - GT ròng (tỷ đồng)		(325,7)	
Vốn hóa (Tỷ đồng)		5.492.708	



## HNX-Index

ID	(0,99)	237,35	(0,42%)
YTD	9,92		4,36%
GTGD (tỷ đồng)		1.312,3	
NĐTNN - GT ròng (tỷ đồng)		(3,64)	
Vốn hóa (Tỷ đồng)		383.015	



## Upcom-Index

ID	(0,36)	99,10	(0,36%)
YTD	4,04		4,25%
GTGD (tỷ đồng)		784,2	
NĐTNN - GT ròng (tỷ đồng)		(10,66)	
Vốn hóa (Tỷ đồng)		1.488.538	



## ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

**Diễn biến thị trường:** Kết phiên giao dịch, VN-Index tăng 2,52 điểm (+0,19%) lên mức 1.311,91 điểm; HNX-Index giảm 0,99 điểm (-0,42%) về mức 237,35 điểm; Upcom giảm 0,36 điểm (-0,36%) về mức 99,10 điểm. Thanh khoản VN-Index đạt 1.059,73 triệu cổ phiếu, tương đương 23.192 tỷ VND, tăng 8,57% so với phiên hôm trước và tăng 22,43% so với trung bình 5 phiên.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng gần 326 tỷ đồng trên HOSE. Lực bán ròng tập trung ở cổ phiếu TPB, SSI, BID... Ở phía ngược lại, lực mua ròng tập trung ở các cổ phiếu VNM, VCI, VHM,...

**Chiến lược giao dịch:** Thị trường ghi nhận một phiên giao dịch biến động và có phần bị bán mạnh vào phiên sáng, tuy nhiên với nỗ lực kéo của các cổ phiếu trụ đã giúp thị trường lấy lại sắc xanh và chinh phục thành công mốc 1.310 điểm. Tâm lý lo ngại về khả năng điều chỉnh mạnh vẫn còn rõ rệt, đặc biệt khi dòng vốn ngoại tiếp tục rút lui, có thể tạo ra áp lực bán và khiến thị trường tiếp tục dao động trong các phiên tới. Nhà đầu tư nên duy trì chiến lược quan sát, chỉ giải ngân vào những cổ phiếu có động lực tăng trưởng ổn định và triển vọng KQKD tích cực trong năm 2024.

**Về kỹ thuật:** Chỉ báo VN-index vẫn đang cho tín hiệu tích cực khi nằm trên các đường MA, các chỉ báo RSI và MFI bắt đầu cho tín hiệu quá mua.

## Top mã CP NN mua ròng (tỷ VND)

Mã CP	Giá trị	Giá	%Δ
VNM	137,37	63.500	0,47
VCI	74,87	37.450	0,40
VHM	51,60	42.050	-1,18
MWG	50,42	59.500	1,19
GVR	44,32	33.500	1,21

## Top mã CP NN bán ròng (tỷ VND)

Mã CP	Giá trị	Giá	%Δ
TPB	149,67	16.200	0,00
SSI	60,67	26.350	-0,94
BID	59,48	40.800	-0,37
STB	55,73	39.200	0,90
HDB	45,46	22.950	-0,22

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VNINDEX



Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
Xu hướng ngày	-	Tăng
Xu hướng tuần	-	Tăng
Xu hướng tháng	-	Tăng
RSI 14	72,35	Bán
MFI	71,71	Mua
MA10	1.302,34	Mua
MA20	1.286,78	Mua
MA50	1.267,55	Mua
MA100	1.262,00	Mua

NHỊP ĐẬP THỊ TRƯỜNG

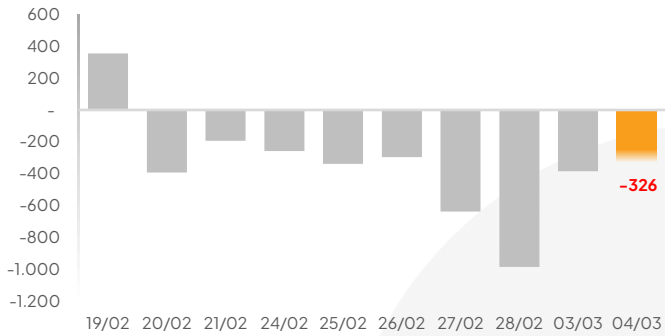
VN-Index tăng 2,52 điểm (+0,19%) lên mức 1.311,91 điểm; HNX-Index giảm 0,99 điểm (-0,42%) về mức 237,35 điểm; Upcom giảm 0,36 điểm (-0,36%) về mức 99,10 điểm

Thanh khoản VN-Index hôm nay đạt 1.059,73 triệu cổ phiếu, tương đương 23.192 tỷ VND, tăng 8,57% so với phiên hôm trước và tăng 22,43% so với trung bình 5 phiên

Về mức độ ảnh hưởng, TCB (+5,36%); MBB (+1,30%); EIB (+2,77%) là những mã có tác động tích cực nhất.

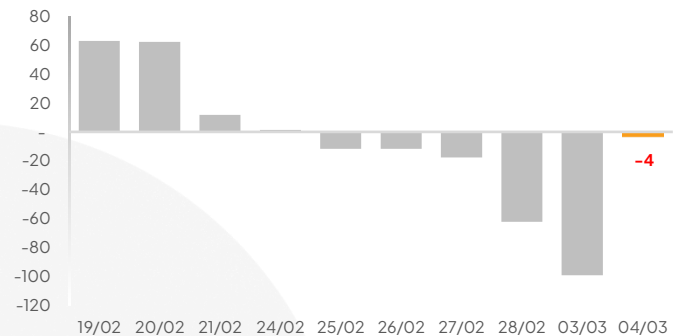
Khối ngoại bán ròng trên HOSE

Giá trị mua/bán ròng của Tổ chức nước ngoài VN-Index [tỷ VND]



Khối ngoại bán ròng trên HNX

Giá trị mua/bán ròng của Tổ chức nước ngoài HNX-Index [tỷ VND]

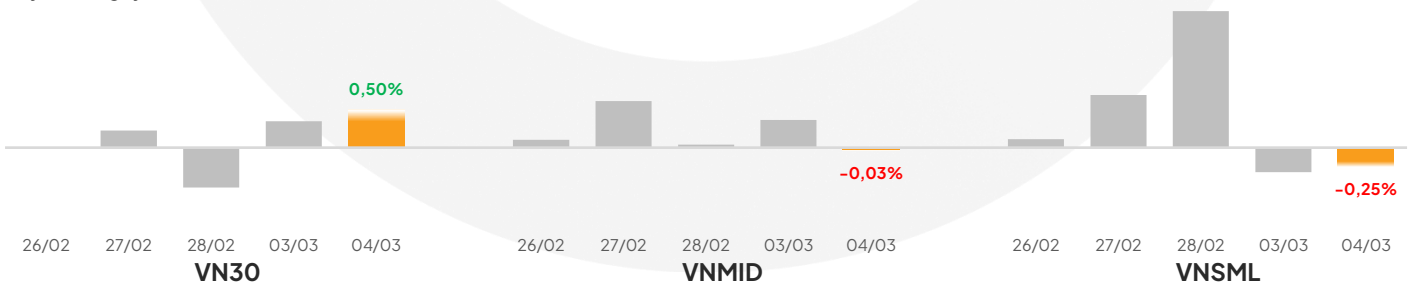


**Khối ngoại ghi nhận bán ròng gần 326 tỷ đồng trong phiên hôm nay.** Lực mua ròng tiếp tục tập trung ở cổ phiếu VHM, VCI, theo sau là cổ phiếu VNM, MWG, GVR, ... Ở chiều ngược lại, lực bán ròng tiếp tục tập trung ở cổ phiếu TPB, theo sau là cổ phiếu SSI, BID, STB, HDB, ...

**Thị trường chịu áp lực từ đầu phiên với lực bán tăng mạnh, tuy vậy, đã giảm được hỗ trợ khi chỉ số VN-Index giảm sâu đưa chỉ số về chốt phiên ở mức 1.311,91 điểm.** Lực bán chiếm ưu thế xuyên suốt phiên sáng với khối lượng lớn trên diện rộng thị trường, đưa phần lớn độ rộng thị trường chìm trong sắc đỏ. Tuy vậy, lực cầu vào phiên chiều đưa chỉ số lấy lại mức tham chiếu và đưa chỉ số quay lại với sắc xanh, ngoài ra, lực bán ròng từ khối ngoại duy trì ở mức vừa phải phần nào hạn chế áp lực, đưa chỉ số quay lại với mức kết phiên tăng tăng 2,54 điểm. **Về kỹ thuật,** chỉ số VN-Index được hỗ trợ khi tiến vào vùng hỗ trợ 1.295 - 1.300 điểm, thành công chinh phục mốc 1.310 điểm. Thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức ổn định và chỉ báo kỹ thuật MACD duy trì tín hiệu tăng trưởng và thanh khoản tiếp tục duy trì mức tăng mạnh vượt mốc MA20 ngày. Nhà đầu tư ưu tiên giữ tỷ trọng vừa phải, có thể giảm tỷ trọng trong trường hợp chỉ số đánh mất mốc 1.300 điểm.

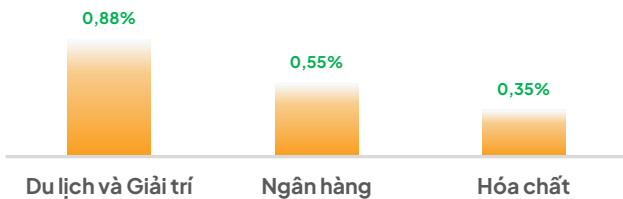
Nhóm cổ phiếu Bluechip của chỉ số VN-Index dẫn dắt đà tăng trong phiên hôm nay.

% Thay đổi 1 ngày của các nhóm chỉ số (%)



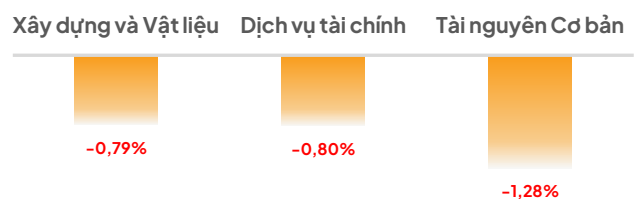
Ngành Du lịch và Giải trí tăng mạnh ...

Top 3 ngành diễn biến tích cực nhất (%)



Ngành Tài nguyên Cơ bản giảm mạnh

Top 3 ngành tác động ít tích cực nhất (%)



Ngành Du lịch và Giải trí là ngành tích cực của thị trường trong phiên hôm nay dẫn dắt bởi chỉ số HVN (+0,32 điểm), là cổ phiếu tác động lớn nhất lên chỉ số VN-Index trong phiên hôm nay. Theo sau là Ngành Ngân hàng dẫn dắt bởi cổ phiếu TCB (+2,36 điểm), là cổ phiếu tác động lớn nhất lên chỉ số VN-Index trong phiên hôm nay, CTG (+0,45 điểm), MBB (+0,44 điểm). Ngành Hóa chất lọt top tích cực dẫn dắt bởi cổ phiếu GVR (+0,38 điểm). Ở chiều ngược lại, Ngành Tài nguyên Cơ bản là ngành ít tích cực nhất phiên hôm nay chịu áp lực bởi cổ phiếu HPG (-0,31 điểm). theo sau là Ngành Dịch vụ Tài chính và Ngành Xây dựng và Vật liệu lọt top ít tích cực tiếp tục không ghi nhận cổ phiếu nào tác động lớn lên chỉ số VN-Index.

**THÔNG TIN VĨ MÔ, THỊ TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP**

**2 tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam đạt 9,38 tỷ USD, tăng 8,3% so với cùng kỳ. Bộ Nông nghiệp và Môi trường kỳ vọng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản cả năm 2025 có thể đạt mức 70 tỷ USD.**

Theo Báo cáo của Trung tâm Chuyển đổi số và Thống kê nông nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản (NLTS) tháng 2/2025 ước đạt 4,4 tỷ USD, tăng 37,2% so với tháng 2/2024, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu NLTS 2 tháng đầu năm nay đạt 9,38 tỷ USD, tăng 8,3% so với cùng kỳ. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản đạt 4,89 tỷ USD, tăng 4,5%; giá trị xuất khẩu sản phẩm chăn nuôi đạt 72,2 triệu USD, tăng 4%; giá trị xuất khẩu thủy sản đạt 1,42 tỷ USD, tăng 18,6%; giá trị xuất khẩu lâm sản đạt 2,68 tỷ USD, tăng 11,9%; ...

Xét theo vùng lãnh thổ, châu Á là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với thị phần chiếm 42,2%. Hai thị trường lớn tiếp theo là châu Mỹ và châu Âu với thị phần lần lượt là 24,2% và 15,5%. So với cùng kỳ năm trước, ước giá trị xuất khẩu NLTS của Việt Nam 2 tháng đầu năm sang khu vực châu Á giảm 1,6%; châu Mỹ tăng 19,8%; châu Âu tăng 22,3%; châu Phi tăng 2,2 lần; châu Đại Dương tăng 8,2%.

Xét theo thị trường chi tiết, Hoa Kỳ với thị phần 22%, Trung Quốc với thị phần 17,8%, Nhật Bản với thị phần 7,7%, là 3 thị trường xuất khẩu các mặt hàng NLTS lớn nhất của Việt Nam. So với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tăng 18,9%, Trung Quốc giảm 4,3%, Nhật Bản tăng 19,1%.

Phần lớn các mặt hàng nông, lâm, thủy sản xuất khẩu chính của Việt Nam đều có giá trị xuất khẩu tăng như: Thủy sản, cà phê, gạo, gỗ và các sản phẩm gỗ, cao su, hạt tiêu,... Đáng chú ý, gạo và rau quả 2 là mặt hàng luôn đạt tăng trưởng tốt trong năm 2024, lại giảm lần lượt là 13,6% và 11%, riêng hạt điều giảm cả khối lượng lẫn giá trị.

Cụ thể, giá trị xuất khẩu hàng thủy sản 2 tháng đầu năm đạt giá trị 1,42 tỷ USD, tăng 18,6% so với cùng kỳ năm 2024. Xuất khẩu cà phê trong 2 tháng qua đạt 284 nghìn tấn, đạt giá trị 1,58 tỷ USD, giảm 28,4% về khối lượng nhưng tăng 26,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2024. Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ 2 tháng đầu năm 2025 đạt 2,52 tỷ USD, tăng 12,4% so với cùng kỳ năm 2024.

Với mặt hàng gạo, khối lượng xuất khẩu đạt 1,1 triệu tấn với giá trị 613 triệu USD, tăng 5,9% về khối lượng nhưng giảm 13,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2024. Nguyên nhân là do giá gạo xuất khẩu bình quân ước đạt 553,6 USD/tấn, giảm 18,3% so với cùng kỳ năm 2024. Khối lượng xuất khẩu hạt điều trong tháng đầu năm đạt 62.400 tấn, đạt giá trị 424,8 triệu USD, giảm 31,8% về khối lượng và giảm 13,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2024.

Giá trị xuất khẩu rau quả 2 tháng đầu năm 2025 đạt 724,5 triệu USD, giảm 11% so với cùng kỳ năm 2024, Theo Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Phùng Đức Tiến, ngành nông nghiệp sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức trong năm 2025, đặc biệt là biến đổi khí hậu và yêu cầu chuyển đổi xanh. Tuy nhiên, Bộ đặt mục tiêu xuất khẩu đạt 70 tỷ USD trong năm nay với các giải pháp đồng bộ và quyết tâm mạnh mẽ.

**Thông tin Doanh nghiệp**

**YEG:** Ngày 21/3 tới đây, Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 sẽ chốt danh sách cổ đông tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 lên kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm tài chính. Cụ thể, Yeah1 sẽ chốt danh sách cổ đông tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 vào ngày 21/3 và Đại hội dự kiến tổ chức trong tháng 4/2025. Trong đó, công ty dự kiến trình cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2024, tình hình kinh doanh năm 2024, kế hoạch kinh doanh năm 2025. Xét về hoạt động kinh doanh, trong năm 2024, Yeah1 ghi nhận doanh thu đạt 1.006,9 tỷ đồng, tăng 144,6% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế đạt 126,77 tỷ đồng, tăng 378% so với cùng kỳ.

## DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+ / -
<b>Danh mục theo dõi</b>										
1	CSV	Theo dõi	43,4-44,0			50.000	41.500			

### Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua

1	HAG	Nắm giữ	11,8-12,4	30/12/2024	11.800	16.900	11.600			7,2%
2	TCB	Nắm giữ	23,5-23,9	09/01/2025	23.750	27.000	22.500			15,8%
3	VCG	Nắm giữ	17,5-17,8	10/01/2025	18.000	20.900	16.800			21,7%
4	ACB	Nắm giữ	24,6-25,0	15/01/2025	24.650	28.000	23.600			6,1%
5	PVD	Nắm giữ	22,5-23,3	23/01/2025	23.100	26.000	21.700			5,4%
6	STB	Nắm giữ	35,5-36,3	23/01/2025	36.450	41.000	34.100			7,5%
7	PLX	Nắm giữ	39,0-39,8	10/02/2025	39.600	44.000	37.500			12,4%
8	MBS	Nắm giữ	27,0-27,5	11/02/2025	27.400	31.500	26.000			10,9%
9	DPG	Nắm giữ	45,5-46,5	13/02/2025	44.600	53.000	43.500			8,4%
10	VHC	Nắm giữ	68,8-69,5	13/02/2025	69.400	78.000	65.800			3,9%
11	PDR	Nắm giữ	18,7-19,1	18/02/2025	19.100	22.500	17.800			5,2%
12	DXG	Nắm giữ	14,7-14,1	19/02/2025	14.750	18.000	14.000			10,2%
13	TCH	Nắm giữ	15,1-15,5	19/02/2025	15.800	17.800	14.600			11,1%
14	HDB	Nắm giữ	22,7-23,0	24/02/2025	22.950	26.000	21.800			0,0%
15	MWG	Nắm giữ	56,8-58	25/02/2025	57.400	65.000	54.500			3,7%
16	VRE	Nắm giữ	16,9-17,1	27/02/2025	16.900	19.000	16.100			4,7%
17	DGW	Nắm giữ	38,0-38,7	27/02/2025	38.700	44.000	36.600			2,7%
18	KBC	Nắm giữ	29,4-29,7	27/02/2025	29.450	34.000	28.000			3,9%
19	VHM	Nắm giữ	39,8-40,8	28/02/2025	40.850	45.000	38.000			2,9%
20	GAS	Nắm giữ	66,8-67,8	03/3/2025	68.100	74.500	64.500			1,5%

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+ / -
1	PAN	Chốt lời	22,2-22,8	10/12/2024	22.450	25.800	21.400	20/01/25	25.900	15,4%
2	VGC	Chốt lời	43,0-44,0	24/12/2024	44.000	54.000	41.500	20/01/25	49.750	13,1%
3	PLX	Chốt lời	37,5-38,2	08/01/2025	37.400	44.700	36.000	22/01/25	39.900	6,7%
4	BVH	Chốt lời	48,3-49,3	13/01/2025	49.000	56.000	46.400	22/01/25	52.100	6,3%
5	BCM	Chốt lời	67,5-69,5	27/12/2024	68.800	82.300	64.900	06/02/25	72.400	4,4%
6	BAF	Chốt lời	26,8-27,3	24/01/2025	27.200	30.000	25.700	06/02/25	28.100	3,1%
7	HPG	Chốt lời	25,6-26,0	25/11/2024	26.000	29.600	24.500	10/02/25	26.500	1,9%
8	KBC	Chốt lời	27,1-27,6	27/11/2024	27.500	31.500	26.000	10/02/25	29.050	5,6%
9	NLG	Chốt lời	31,8-32,3	16/01/2025	32.200	38.000	30.400	10/02/25	34.400	6,8%
10	ACV	Chốt lời	120,0-123,0	23/01/2025	121.000	135.000	115.000	10/02/25	123.700	2,2%
11	HAX	Chốt lời	16,0-16,5	17/01/2025	16.500	18.500	15.400	12/02/25	17.200	4,2%
12	VIB	Chốt lời	19,2-19,6	17/01/2025	19.650	22.500	18.400	18/02/25	20.600	4,8%
13	LCG	Chốt lời	10,2-10,4	4/02/2025	10.500	12.000	9.800	18/02/25	10.950	4,3%
14	DDV	Chốt lời	18,1-18,5	12/02/2025	18.600	22.000	17.400	21/02/25	19.600	5,4%
15	VPB	Chốt lời	18,8-19,2	17/01/2025	18.300	22.200	18.000	25/02/25	19.600	6,8%
16	DRC	Chốt lời	27,9-28,3	17/02/2025	28.300	31.500	26.600	26/02/25	28.800	1,8%
17	TV2	Chốt lời	31,2-31,9	19/02/2025	31.650	36.000	30.000	26/02/25	35.700	11,5%
18	GMD	Chốt lời	61,0-62,0	20/01/2025	61.900	72.000	58.500	28/02/25	61.300	-1,0%
19	BMI	Chốt lời	20,4-20,7	12/02/2025	20.500	23.000	19.500	28/02/25	21.900	6,8%
20	IDC	Chốt lời	53,8-54,5	3/2/2025	54.200	60.000	51.500	03/03/25	57.500	6,1%
21	VCS	Chốt lời	58,5-59,4	24/02/2025	58.600	67.000	57.000	04/03/25	59.500	1,5%

Email: [research@lpbs.com.vn](mailto:research@lpbs.com.vn)

Website: [Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank \(lpbs.com.vn\)](http://Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank (lpbs.com.vn))

Mở tài khoản LPBS tại:



### Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê tại báo cáo này được LPBS lập dựa trên nguồn thông tin chính thống và đáng tin cậy tại thời điểm LPBS phát hành báo cáo. Báo cáo được lập với mục đích cung cấp thông tin khái quát về thị trường, dự báo và cảnh báo được sử dụng làm thông tin tham khảo trong nội bộ LPBS và thông tin tham khảo cho nhà đầu tư.

Các ý kiến tại báo cáo được đưa ra sau khi đã được cẩn thận xem xét kỹ càng dựa trên những thông tin mà cá nhân chúng tôi đánh giá là tốt nhất tại thời điểm thu nhập được. Báo cáo này có giá trị tham khảo và không nên được giải như một lời đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. LPBS được miễn trừ trách nhiệm đối với thiệt hại hoặc sự kiện bị coi là thiệt hại do sử dụng nội dung trong báo cáo này.

Bản quyền báo cáo thuộc về LPBS, mọi hành vi trích dẫn, sao chép, sửa đổi, phát hành báo cáo là vi phạm bản quyền nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của LPBS.